

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 05/02/2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đăng Hải**

Ông **Đào Xuân Bồn**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Ông **Vương Xuân Hoan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 714/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Xuân N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Thượng Đ, xã Đạo Đ, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn Thượng Đ, xã Đạo Đ, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thôn Đan T, xã Tân M, huyện S, TP. Hà Nội.

Có mặt anh N, vắng mặt chị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 12.11.2020 và trong quá trình xét xử, anh Lê Xuân N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H có tổ chức lễ cưới theo phong

tục địa phương, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đạo Đ, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 do vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng anh đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bình X – tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi ly hôn do vợ chồng vẫn còn thương yêu nhau nên năm 2017 anh chị lại về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đạo Đ, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 25/7/2017.

Sau khi kết hôn xong vợ chồng anh về sống chung cùng bố mẹ anh tại thôn Thượng Đ, xã Đạo Đ, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xung đột, bất đồng quan điểm sống. Chị H thường xuyên có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng anh và gia đình anh. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là: Lê Việt Th, sinh ngày 24/12/2010 và Lê Hoàng B, sinh ngày 28/02/2018. Ly hôn anh đề nghị mỗi người nuôi 01 con, anh nuôi cháu Th, chị H nuôi cháu B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hiện nay anh đang làm công nhân công ty TNHH KS TECH VINA thu nhập bình quân 9.000.000đ đến 9.500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Xuân N. Cho anh Lê Xuân N được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Giao con chung là Lê Việt Th, sinh ngày 24/12/2010 cho anh Lê Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Lê Hoàng B, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự đảm nhiệm việc nuôi con.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh N xin ly hôn chị H, hiện chị H cư trú tại thôn Đan T, xã Tân M, huyện S, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ngày 18/01/2021 chị H vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị H, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay chị H vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung: Anh Lê Xuân N kết hôn cùng chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đạo Đ, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyền số 01/2017 ngày 25/7/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh N cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chị H có những lời nói xúc phạm tới anh và gia đình. Chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị H. Qua xác minh tại gia đình hai bên được biết vợ chồng anh chị sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mẹ chị H là bà Đỗ Thị Th cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do em của anh N nợ nần bên ngoài, anh N và gia đình anh N bắt chị H phải đi vay để trả nợ cho các em của anh N. Chị H không đồng ý nên anh N và gia đình anh N đã đuổi chị H về gia đình bà sống từ tháng 9/2020 đến nay. Nay anh N làm đơn xin ly hôn chị H thì bà đề nghị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên vợ chồng anh chị sống không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Như vậy mục đích hôn nhân của

anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Việt Th, sinh ngày 24/12/2010 và Lê Hoàng B, sinh ngày 28/02/2018. Anh N đề nghị mỗi người nuôi 01 con, anh nuôi cháu Th, chị H nuôi cháu Nam, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét yêu cầu của anh N Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại anh N và chị H đều có chỗ ở và công việc ổn định. Hiện cháu Th đang ở với anh N, cháu B hiện dưới 3 tuổi và đang ở với chị Hoạt nên để không xáo trộn cuộc sống của các con sau khi ly hôn thấy cần tiếp tục giao cháu Th cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu B cho chị Hoạt trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh N không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Xuân N. Cho anh Lê Xuân N được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Việt Th, sinh ngày 24/12/2010 cho anh Lê Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Lê Hoàng B, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh N, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, anh N phải chịu. Được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019269 ngày 20.11.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận***

- VKSND H. S;
- THADS H. S;
- Tòa án Hà Nội;
- UBND xã Đạo Đức, Bình X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Hồng**



















